

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07 /2021/HNGĐ-ST**

Ngày 28 tháng 01 năm 2021

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Môn

2. Bà Nguyễn Thị Vượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 423/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/11/2020 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXX-ST ngày 04/01/2021, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 3A, đường Lê Lợi, phường Lê Lợi, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

+ **Bị đơn:** Anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 3A, đường Lê Lợi, phường Lê Lợi, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn Đ đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND xã C L, tỉnh Bắc Giang. Anh chị kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn với nhau, đã được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi lễ truyền thống. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, chị bị áp lực công việc và áp lực từ chồng, anh chị không hiểu nhau, không chia sẻ công việc và tình cảm cùng nhau, không hợp nhau về quan điểm sống. Anh Đ không có trách nhiệm gì với vợ con và gia đình chị. Anh chị đã ly thân từ khoảng đầu năm 2020. Kể từ khi ly thân anh chị không còn ai quan T đến ai và không có trách nhiệm cũng như tình cảm gì với nhau nữa.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể tiếp tục sống với anh Đ được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Vũ Quang P, sinh ngày 04/7/2018; Hiện cháu đang ở với vợ chồng chị, cháu phát triển khỏe mạnh, bình thường. Vợ chồng ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị làm nghề thẩm mỹ thu nhập từ 10 đến 12 triệu đồng/1 tháng nên chị có thể đảm bảo cho cháu phát triển tốt về mọi mặt. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh chị có tài sản nhưng để anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn là anh Vũ Văn Đ trình bày: Anh xác nhận điều kiện kết hôn như chị T trình bày là đúng, anh chị kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn, đã được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi lễ truyền thống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì vợ chồng có vấn đề không hiểu nhau tuy nhiên cũng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ. Mọi việc trong cuộc sống hàng ngày có việc anh ít quan T đến chị và gia đình chị nhưng anh hứa sẽ sửa chữa, anh đề nghị cho anh thời gian. Vợ chồng cũng có lúc cãi nhau, vùng vằng khi không vừa ý, có lần anh cũng tát chị một cái nhưng anh nghĩ chỉ là mâu thuẫn nhỏ để hiểu nhau hơn. Anh không muốn vợ chồng ly hôn mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Vũ Quang P, sinh ngày 04/7/2018; Vợ chồng ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh làm nghề quản lý, sửa chữa máy móc cho công ty TNHH xây dựng Tân Thịnh, thu nhập ổn định 17.000.000 đồng/tháng, đủ để nuôi con. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhiều lần, nhưng không hòa giải được vì anh chị không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án

+ Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng: Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 28 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Điểm a Khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vũ Văn Đ

Về con chung: Giao cho chị T được nuôi con chung Vũ Quang P, sinh ngày 04/7/2018. Cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Kiến nghị, khắc phục: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C L, tỉnh Bắc Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp đúng với quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình

Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, còn anh Đ không đồng ý. Hội đồng xét xử thấy: Quá trình chung sống vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh chị đều không thống nhất được mọi việc trong gia đình, anh chị đã sống ly thân, anh không quan tâm lo lắng gì đến cuộc sống của chị. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Vũ Văn Đ

[2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Vũ Quang P, sinh ngày 04/7/2018, hiện nay cháu còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, anh chị đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Xét điều kiện nuôi con chung của anh chị thấy: Chị T có nghề nghiệp ổn định, có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, có cửa hàng, có thu nhập được chính quyền địa phương xác nhận về thu nhập. Anh Đ trình bày anh làm nghề quản lý, sửa chữa máy móc cho công ty TNHH xây dựng Tân Thịnh, thu nhập 17.000.000 đồng đến 18.000.000đồng/tháng. Tuy nhiên anh Đ không cung cấp tài liệu chứng cứ về mức thu nhập của anh cho Tòa án. Do vậy không xác định về điều kiện nuôi con của anh Đ được. Mặt khác cháu Vũ Quang P còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi cần có sự chăm sóc của mẹ. Do vậy Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Vũ Quang P cho chị T là phù hợp với quy định tại khoản 3 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Vấn đề cấp dưỡng chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 53, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 28 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Điểm a Khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vũ Văn Đ

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Quang P, sinh ngày 04/7/2018 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh Vũ Văn Đ không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001680 ngày 05/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKS TP B;
- Các đương sự;
- UBND phường Lê Lợi, TP B
- Chi cục THA dân sự TP B;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Hải Hương